TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 16 - 3 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỷ T, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cư trú: Số XXX, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Phước Q, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỷ T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỷ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, chị T và anh Q có quen biết, tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên chấp thuận nên có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/4/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do công việc của chị T là bác sĩ nên phải đi trực. Năm 2021, dịch bệnh Covid nên chị T đi trực thường

xuyên hơn vì vậy mà anh Q ghen tuông và đánh chị T, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Tháng 3/2022, anh Q đánh chị T nên chị T đã cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng cũng đã sống ly thân đến nay. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh Q nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019. Chị T yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con (con chung đang sống cùng với anh Q).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn Phước Q trình bày:

Về thời gian chung sống chị T trình bày là đúng, vợ chồng có quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 2012, được gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2014. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do công việc của chị T thường xuyên đi trực ban đêm. Tuy nhiên, năm 2022 khi dịch bệnh Covid đã ổn định nhưng chị T cứ viện lý do công việc không có thời gian chăm sóc con và ít về nhà mặc dù anh Q đã nhiều lần nhắc nhở. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 3/2022, ngày chị T trực đêm thì anh Q đến nơi làm việc nhưng chị T đã ra ca từ lúc trưa, điện thoại chị T thì không liên lạc được nên vợ chồng cãi nhau. Thời gian sống ly thân, anh Q cũng động viên chị T chung sống trở lại nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay anh Q còn tình cảm với chị T nên anh Q không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Q đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019. Anh Q không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng Thiên N sau khi ly hôn, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Phước Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu Ngân đang sống với anh Q).

Sau khi ly hôn, chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỷ T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019, chị T không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mỷ T không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do chị T có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, cháu N là con gái nên chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn anh Q.

Anh Nguyễn Văn Phước Q không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T. Lý do sau khi sinh con thì chị T đi học, con chung do anh Quí chăm sóc, nuôi dưỡng; khi dịch bệnh Covid bùng phát tại Bệnh viện đa khoa S thì chị T ở lại Bệnh viện trực, anh Q phải xin nghỉ việc ở siêu thị để ở nhà nuôi dưỡng con, từ tháng 7/2022 đến nay chị T không về thăm nom con chung. Hiện nay anh Q đã có việc làm, con chung đang học ở Trường mầm non hoa hồng tại thị trấn C, huyện C. Anh Q thống nhất với bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Chị T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019. Tuy nhiên hiện cháu N đang sống ổn định với anh Q, việc nuôi dưỡng cháu N anh Q vẫn đảm bảo tốt, anh Q có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019 của chị Nguyễn Thị Mỷ T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về nuôi con chung: Chị T và anh Q thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019, hiện cháu N đang sống chung với anh Q. Khi ly hôn, chị T và anh Q không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn mà vợ chồng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên N. Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Xét thấy sau khi sinh cháu N thì chị T phải tiếp tục việc học tập tại Trường Đại học, năm 2020 thì tốt nghiệp đại học, con chung do anh Q và gia đình anh Q nuôi dưỡng. Sau khi tốt nghiệp, chị T vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa S, nghề nghiệp là bác sĩ, công việc của chị T phải trực đêm 02 ngày 01 tuần, chị T còn làm thêm ngoài giờ. Năm 2021, dịch bệnh Covid bùng phát nên chị T phải ở lại Bệnh viên hơn 06 tháng, con chung vẫn do anh Q và gia đình anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 3/2022, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, chị T tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống, để lại cháu N mới hơn 02 tuổi cho anh Q nuôi dưỡng. Tại biên bản ngày 30/11/2022, tổ trưởng tổ x ấp A khai gia đình anh Q ở địa phương sống hòa thuận, điều kiện kinh tế khá giả, đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu N. Anh Q có việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn xe máy M, thu nhập ổn định, hoàn toàn đủ điều kiện để nuôi cháu N. Mặc dù, khi chị T nộp khởi kiện xin ly hôn anh Q thì cháu N dưới 36 tháng tuổi, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...", nhưng chị Thanh đã không thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N từ khi sinh ra đến tháng 3/2022 và từ 3/2022 đến nay anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đảm bảo tốt, các thành viên trong gia đình của anh Q rất yêu thương cháu N. Mặt khác từ tháng 7/2022 đến nay, chị T không thăm nom, chăm sóc con chung. Hiện tại cháu N đã hơn 03 tuổi, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; việc giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách toàn diện và quyết định giao cháu N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019 của chị Nguyễn Thị Mỷ T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Trường hợp chị T có đủ căn cứ cho rằng anh Q không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Về nuôi con chung:

1.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Thiên N, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Nguyễn Văn Phước Q trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu N đang sống chung với anh Q).

1.2. Anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

1.3. Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0015478 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GĐKTNV-THA TAT;
- Lưu: VT, HS (M).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng